

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 142/2020/HS-PT
Ngày 05-3-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Hương Giang

Các Thẩm phán:

Bà Nguyễn Thị Hà

Bà Nguyễn Thị Bích Vân

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Ngọc Trường - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Khanh - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 608/2019/TLPT-HS ngày 26 tháng 12 năm 2019 đối với các bị cáo Nguyễn Cảnh D, Lương Kim T do có kháng cáo của các bị cáo D và T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 133/2019/HS-ST ngày 22 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Cảnh D; Sinh năm 1988 tại Nghệ An; Thường trú: 28A Khối 1, đường C, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An; Chỗ ở: 754/13/69 TK, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Kinh doanh thẻ sim điện thoại; Trình độ học vấn: 12/12; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Cảnh U và bà Trịnh Thị M; Có vợ tên Nguyễn Thị Phương T và 02 con, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giam từ ngày 27/11/2018 đến ngày 17/5/2019 thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo tại ngoại - Có mặt.

2. Lương Kim T; Sinh ngày 26/8/2000 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: 304/14 T7, phường T, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Sinh viên; Trình độ học vấn: 12/12; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt

Nam; Dân tộc: Hoa; Tôn giáo: Không; Con ông Lương Văn T và bà Phạm Thị C; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo tại ngoại - Có mặt.

- *Người bào chữa:*

Ông Vũ Xuân Đoài là Luật sư thuộc Văn phòng luật sư Phú Nhân An thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho bị cáo Lương Kim T - Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 11/2017, Nguyễn Cảnh D lên mạng xã hội Zalo tạo tài khoản có tên là “Mr Duc”, liên hệ một người có nick “Tu lan” đặt làm giả một (01) sổ hộ khẩu có hình dấu đỏ của Công an huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh với giá là 5.000.000 (năm triệu) đồng. Sau khi làm xong, D điền thông tin trong hộ khẩu như sau: D đứng tên chủ hộ nhà số 49/10M tổ E, ấp C, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh với nhân khẩu kèm theo là Nguyễn Thị Phương T (vợ của D) và Nguyễn Cảnh Gia B (con của D).

Ngày 23/11/2017, D dùng hộ khẩu giả ký hợp đồng với Ngân hàng Thương mại cổ phần V - chi nhánh B, Thành phố Hồ Chí Minh có địa chỉ số 137 LĐ, Phường L, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh đăng ký mua xe ô tô cũ hiệu Mercedes Ben C250 màu xanh, biển số 51G-321.21 để sử dụng dưới hình thức trả góp hàng tháng. Sau đó, Ngân hàng V đã làm thủ tục sang tên chủ xe cho chị Nguyễn Thị Phương T, hiện Ngân hàng V đang giữ bản chính giấy đăng ký xe ô tô biển số 51G-321.21. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh đã thông báo cho Ngân hàng V biết để xử lý.

Vào khoảng tháng 3/2018, do cần tiền tiêu xài, D tiếp tục liên lạc với “Tu lan” thông qua trang mạng zalo để xin phụ “Tu lan” làm giả giấy tờ. “Tu lan” giao nhiệm vụ cho D là nhận thông tin của khách đặt làm giấy tờ giả từ các zalo có tên “Bang”, “Duc”, “Khai”, “Minh”, “Tin” rồi chuyển lại cho các đối tượng làm giả có thông tin địa chỉ mail là Lovanduc802018@gmail.com và các địa chỉ mail khác D không nhớ rõ, D được “Tulan” trả công là 5.000.000 đồng/tháng. Đồng thời, Tu Lan làm giả cho D bốn (04) giấy Chứng minh nhân dân tên Đào Văn Hùng, Đào Hải Quân, Hà Thúc Long và Trần Văn Ngọc có dán ảnh của D. Theo yêu cầu của “Tu Lan”, D đã sử dụng một (01) giấy chứng minh nhân dân giả mang tên Đào Hải Quân để đăng ký mở tài khoản số 0501000195737 tại Ngân hàng V - chi nhánh Bắc Sài Gòn để nhận - chuyển tiền cho việc mua bán giấy tờ giả và làm giả giấy tờ. Sau khi mở tài khoản xong, D giao lại giấy chứng minh nhân dân tên Đào Hải Quân và tài khoản số 0501000195737 cho “Tu Lan”

sử dụng (hiện không thu hồi được giấy chứng minh nhân dân tên Đào Hải Quân).

Từ khoảng tháng 10/2018, theo yêu cầu của “Tu Lan”, cũng thông qua trang mạng zalo, D thuê Lương Kim T làm công việc đóng hộp các giấy tờ giả rồi giao cho Công ty giao hàng nhanh để chuyển cho khách, với tiền lương là 3.000.000 (ba triệu) đồng/tháng. Sau khi T đồng ý làm việc, D chuyển số điện thoại của T cho “Tu lan” biết. Sau đó, T được một người trên trang mạng “Tìm việc làm” (không rõ lai lịch) hướng dẫn công việc cụ thể như sau: Grabbike sẽ chuyển các xấp giấy các tông cắt sẵn hình hộp, các miếng lót bằng giấy các tông, băng keo, các hộp đồng bán sim, simcard điện thoại di động đã hết hạn sử dụng và giấy tờ giả đến cho T để T tiến hành đóng hộp bằng cách: T gấp miếng các tông giấy cắt sẵn thành hình hộp chữ nhật, bỏ một (01) giấy tờ giả vào đáy hộp và dùng miếng lót các tông dán đè lên giấy tờ giả để cố định. Bên trên miếng lót đặt 03 tờ giấy hợp đồng bán sim trả góp cùng 01 sim card điện thoại di động, rồi đậy nắp hộp dán băng keo lại, ghi mã số vào mặt đáy của hộp, chuyển công ty Giao hàng nhanh tại số 353A N, Phường H, quận T để giao cho khách hàng. Có một số giấy tờ giả khách không nhận thì D bảo T cắt bỏ. Tính đến hết tháng 10/2018, D được “Tu lan” trả công 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng thông qua grabbike, T được “Tu lan” trả công 4.000.000 (bốn triệu) đồng.

Từ khoảng tháng 11/2018, D không làm thuê cho “Tu lan” nữa mà tự lập một nhóm khác để làm giấy tờ giả, cụ thể D nhận thông tin khách đặt giấy tờ, văn bằng giả thông qua trang zalo có tên “Bang”, “Duc”, “Khai”, “Minh”, “Tin” và chuyển cho các đối tượng làm giả có thông tin Mail là Lovanduc802018@gmail.com; Trannam48909@gmail.com; Bangcapnhanh247@gmail.com để làm giấy tờ giả (theo giá làm giả bằng Đại học là 1.300.000 (một triệu ba trăm ngàn) đồng, Cao đẳng là 1.300.000 (một triệu ba trăm ngàn) đồng, Trung học (Tú tài) là 1.300.000 (một triệu ba trăm ngàn) đồng, hộ khẩu là 3.500.000 (ba triệu năm trăm ngàn) đồng, chứng minh nhân dân là 500.000 (năm trăm ngàn) đồng, giấy phép lái xe hai bánh là 900.000 (chín trăm ngàn) đồng, giấy phép lái xe bốn bánh là 1.500.000 (một triệu năm trăm ngàn) đồng... Để tránh bị phát hiện, D dùng giấy chứng minh nhân dân giả tên Trần Văn Ngọc đăng ký mở tài khoản số 0501000202401 tại Ngân hàng V - Chi nhánh Bắc Sài Gòn để nhận - chuyển tiền qua việc mua bán giấy tờ giả và làm giả giấy tờ đồng thời hợp đồng với Công ty Giao hàng tiết kiệm để chuyển giao giấy tờ giả cho các khách hàng.

Tính từ khoảng ngày 14/11/2018 đến ngày 27/11/2018, khi đặt làm giấy tờ giả D sử dụng nhiều tên giả khác nhau nhiều lần chuyển tiền mặt cho các đối tượng có thông tin mail là Lovanduc802018@gmail.com; Trannam48909@gmail.com; Bangcapnhanh247@gmail.com qua các tài khoản ở nhiều ngân hàng khác nhau (D không xác định được) với số tiền khoảng 259.000.000 (hai trăm năm mươi chín triệu) đồng. Sau khi, công ty thu hộ tiền

của khách hàng thì chuyển vào tài khoản ngân hàng Vietcombank tên Trần Văn Ngọc với tổng số tiền là 485.758.600 (bốn trăm tám mươi lăm triệu bảy trăm năm mươi tám ngàn sáu trăm) đồng, D đã thanh toán tiền cho “Bang”, “Duc”, “Khai”, “Minh”, “Tin” thông qua Internet Banking với tổng số tiền là 273.823.400 (hai trăm bảy mươi ba triệu tám trăm hai mươi ba ngàn bốn trăm) đồng. Tính đến ngày bị phát hiện, D chưa được thu lợi do bị Cơ quan điều tra thu giữ các giấy tờ giả nên chưa giao cho khách, chưa thu được tiền.

Ngày 23/11/2018, qua khám xét nơi ở của Nguyễn Cảnh D tại số 21A đường số 1, phường Tân Thành, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh đã thu giữ đồ vật, tài liệu gồm:

- + Một (01) sổ hộ khẩu hộ khẩu số 31228532833, đứng tên chủ hộ Nguyễn Cảnh D;

- + Một (01) giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 324878, đứng tên Nguyễn Thị Phương T, mang biển số 51G-321.21;

- + Một (01) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 056796, đứng tên Nguyễn Thị Phương T, mang biển số 37B2-834.74;

- + Một (01) chứng minh nhân dân số 186648604 mang tên Trần Văn Ngọc;

- + Một (01) chứng minh nhân dân số 142917409 mang tên Trần Văn Quang;

- + Một (01) chứng minh nhân dân số 100386565 mang tên Trần Đình Ty;

- + Một (01) chứng minh nhân dân số 132040874 mang tên Trần Việt Anh;

- + Một (01) chứng minh nhân dân số 085064348 mang tên Hoàng Văn Đạt;

- + Một (01) chứng minh nhân dân số 050394330 mang tên Nguyễn Văn Hạnh;

- + Một (01) chứng minh nhân dân số 145042197 mang tên Nguyễn Văn Thức;

- + Một (01) chứng minh nhân dân số 125093845 mang tên Trần Hồng Thái;

- + Một (01) chứng minh nhân dân số 073369783 mang tên Hoàng Văn Thanh;

- + Một (01) chứng minh nhân dân số 187726642 mang tên Nguyễn Quang Nam;

- + Một (01) chứng minh nhân dân số 163291352 mang tên Nguyễn Văn Thùy;

- + Một (01) chứng minh nhân dân số 060849872; Một (01) chứng minh nhân dân số 187608294 mang tên Nguyễn Thị Phương Thảo;

- + Một (01) chứng minh nhân dân số 187171519; Năm (05) giấy phép lái xe cùng số 400143013055, cùng mang tên Nguyễn Cảnh D;

- + Một (01) giấy phép lái xe số 670183011877 mang tên Nguyễn Quang Nam;

+ Một (01) giấy thông hành xuất nhập cảnh số H0111180 mang tên Nguyễn Cảnh D;

+ Một (01) giấy thông hành xuất nhập cảnh H0111179 mang tên Nguyễn Thị Phương T;

Theo Kết luận giám định số 70/KLGD-TT ngày 14/12/2018 của Phòng kỹ thuật Hình sự - Công an Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận:

- “Sổ hộ khẩu” đứng tên chủ hộ Nguyễn Cảnh D là giả;
- “Chứng nhận đăng ký xe ô tô” đứng tên Nguyễn Thị Phương Thảo là giả;
- Không đủ cơ sở kết luận giám định “Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy” đứng tên Nguyễn Thị Phương T là thật hay giả;

- Mười một (11) giấy chứng minh nhân dân đứng tên: Nguyễn Văn Thùy, Hoàng Văn Đạt, Trần Văn Quang, Nguyễn Văn Thúc, Nguyễn Quang Nam, Trần Đình Ty, Trần Hồng Thái, Nguyễn Văn Hạnh, Trần Việt Anh, Hoàng Văn Thanh, Trần Văn Ngọc là giả;

- Bản in trên các “Giấy chứng minh nhân dân” đứng tên Nguyễn Cảnh D, Nguyễn Thị Phương T là bản in thật.

- Không đủ cơ sở kết luận giám định chữ ký và hình dấu tròn trên các “Giấy chứng minh nhân dân đứng tên Nguyễn Cảnh D, Nguyễn Thị Phương T là thật hay giả;

- Sáu (06) “giấy phép lái xe” là giả;

- Không đủ cơ sở kết luận giám định 02 “Giấy thông hành nhập xuất cảnh” là thật hay giả;

Ngày 25/11/2018, qua khám xét nơi ở của Lương Kim T tại số 304/14 T7, phường T, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh đã thu giữ:

+ Ba mươi bốn (34) bằng tốt nghiệp Trung học, kèm theo bảng điểm của các trường khác nhau (trong đó có 05 bằng bị cắt đôi);

+ Mười lăm (15) bằng tốt nghiệp cao đẳng, kèm theo bảng điểm, một (01) bằng tốt nghiệp trung học mang cùng tên người trên bằng cao đẳng (trong đó hai bằng bị cắt đôi);

+ Ba mươi tám (38) bằng tốt nghiệp Đại học, cử nhân, kỹ sư và dược sĩ (trong đó có sáu bằng bị cắt đôi);

+ Một (01) bằng thạc sĩ, một (01) bằng tiến sĩ bị xé rách đôi;

+ Hai mươi hai (22) chứng chỉ hành nghề, chứng chỉ ngoại ngữ, tin học, trung học chuyên nghiệp (trong đó có năm chứng chỉ bị cắt đôi).

- + Ba (03) sổ hộ khẩu có hình dấu tròn, chưa ghi thông tin;
- + Hai mươi hai (22) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (trong đó có tám giấy bị cắt đôi);
- + Tám (08) giấy khai sinh, giấy chứng nhận kết hôn, giấy xác nhận tình trạng hôn nhân;
- + Năm mươi ba (53) giấy chứng minh nhân dân, thẻ nhà báo (trong đó có năm giấy bị cắt đôi);
- + Một trăm lẻ sáu (106) bằng lái xe các loại (trong đó có bốn giấy bị cắt đôi);
- + Ba mươi ba (33) giấy đăng ký xe, giấy đăng kiểm xe ô tô (trong đó có một giấy bị cắt đôi);
- + Một (01) dấu bằng nhựa dẻo có ghi chữ Ủy ban nhân dân xã Phú Thành, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang;
- + Ba mươi tám (38) bằng Đại học, mười lăm (15) bằng Cao đẳng, ba mươi bốn (34) bằng Trung học, một (01) bằng tiến sĩ, một (01) bằng Thạc sĩ, hai mươi hai (22) chứng chỉ hành nghề, ba (03) sổ hộ khẩu, hai mươi (20) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, tám (08) giấy khai sinh, năm mươi hai (52) giấy Chứng minh nhân dân, một (01) thẻ nhà báo, một trăm lẻ bảy (107) giấy phép lái xe các loại, hai mươi tám (28) giấy đăng ký xe các loại;

Kết luận giám định số 324/KLGD-TT ngày 22/4/2019 của Phòng kỹ thuật Hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận có 373 (ba trăm bảy mươi ba) tài liệu được làm giả bằng phương pháp in phun màu, 489 (bốn trăm tám mươi chín) tài liệu không đủ cơ sở kết luận.

Tại Bản án số: 133/2019/HS-ST ngày 22 -10-2019 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh đã Quyết định:

Căn cứ điểm a Khoản 3 Điều 341; điểm d Khoản 2 Điều 341; Điều 38; điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; điểm g Khoản 1 Điều 52; Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Cảnh D 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” và 02 (hai) năm tù về tội “Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù.

Căn cứ điểm a Khoản 3 Điều 341; điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; điểm g Khoản 1 Điều 52; Điều 38; Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Lương Kim T 03 (ba) năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án;

Ngoài ra Bản án còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo của các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

Ngày 23/10/2019, bị cáo Lương Kim T có đơn kháng cáo xin xem xét giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Ngày 25/10/2019, bị cáo Nguyễn Cảnh D có đơn kháng cáo xin xem xét giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Cảnh D, Lương Kim T giữ nguyên nội dung kháng cáo như đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sau khi phân tích tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội do các bị cáo thực hiện xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, mức hình phạt là thỏa đáng. Do đó đề nghị không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên án sơ thẩm. Tuy nhiên về mặt tội danh, các bị cáo chỉ có hành vi làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức và sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức nên đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm áp dụng lại tội danh cho đúng. Đồng thời, đề nghị không xem xét việc bị cáo D nuôi con nhỏ là tình tiết mới tại phiên tòa phúc thẩm do bị cáo ly hôn sau khi xét xử sơ thẩm. Về kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo D và T, do các bị cáo thực hiện hành vi “phạm tội từ 02 lần trở lên” nên không thuộc trường hợp được xem xét hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Bị cáo Nguyễn Cảnh D không tự bào chữa và không tham gia tranh luận.

Luật sư Vũ Xuân Đoài trình bày bài bào chữa cho bị cáo Lương Kim T:

Bị cáo T không có hành vi in, ấn, không trực tiếp làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; bị cáo chỉ có hành vi giúp sức trong việc đóng gói và gửi tài liệu đi theo yêu cầu của D, bản thân bị cáo không nhận thức được hành vi của mình là giúp sức cho việc “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” nên hành vi của T có dấu hiệu của tội “Sử dụng tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Bị cáo T có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, không có tình tiết tăng nặng, quá trình điều tra đã tự nguyện nộp khắc phục số tiền hưởng

lợi bất chính 4.000.000 đồng được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự mà cấp sơ thẩm chưa áp dụng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm áp dụng Điều 54 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, quyết định mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt tại khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo Lương Kim T đồng ý với bài bào chữa của luật sư và không tham gia tranh luận.

Đại diện Viện kiểm sát đối đáp với quan điểm bào chữa của luật sư:

Bị cáo T có trình độ học vấn 12/12, hiện đang là sinh viên trường Cao đẳng L nên phải nhận thức được những giấy tờ thu giữ được tại nơi ở của bị cáo phải do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp, do đó, không chấp nhận ý kiến của luật sư cho rằng bị cáo không biết nên không phạm tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Đồng thời, không có căn cứ áp dụng điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo T vì đây là tiền thu lợi bất chính, nếu bị cáo không tự nguyện nộp lại thì cơ quan tố tụng cũng sẽ tuyên buộc bị cáo phải nộp lại. Đối với đề nghị của Luật sư về việc cho bị cáo được hưởng án treo, do số lượng giấy tờ giả mà bị cáo giúp sức cho D làm có số lượng lớn thuộc trường hợp cấm cho hưởng án treo theo quy định tại Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Các bên còn đưa ra một số quan điểm đối đáp, tranh tụng nhưng tất cả đều bảo lưu quan điểm như đã trình bày.

Lời nói sau cùng: Các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt để làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Cảnh D, Lương Kim T về nội dung quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết đơn kháng cáo của bị cáo theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát Điều tra - Công an quận Tân Phú, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Kiểm sát viên, Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thẩm phán, Thư ký Tòa án trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo

không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Căn cứ lời khai của bị cáo Nguyễn Cảnh D, Lương Kim T tại phiên tòa phúc thẩm, cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở xác định:

Vì động cơ tư lợi, Nguyễn Cảnh D tham gia đường dây làm giả giấy tờ, tài liệu của cơ quan tổ chức cho đối tượng có tài khoản zalo là “Tu lan” tổ chức từ tháng 03/2018 đến tháng 10/2018. D giữ vai trò là người trung gian tiếp nhận, chuyển thông tin khách hàng đặt làm giấy tờ giả đến các đối tượng làm giả thông qua tài khoản mạng xã hội Zalo và địa chỉ Mail, sau đó, nhận và chuyển giấy tờ giả từ các đối tượng làm giả đến tay khách hàng. Quá trình giúp sức cho “Tu lan”, D hưởng lợi bất chính số tiền 20.000.000 đồng. Từ khoảng tháng 10/2018 đến khi bị phát hiện, D không làm cho “Tulan” nữa mà tách ra làm riêng với cách thức, thủ đoạn thực hiện hành vi phạm tội như sau: D tiếp nhận thông tin khách hàng đặt làm giả bằng cấp các loại, giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu, giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà ở thông qua các đối tượng có tài khoản Zalo là “Bang”, “Duc”, “Khai”, “Minh”, “Tin” rồi chuyển cho các đối tượng có địa chỉ mail là lovanduc802018@gmail.com, Trannam48909@gmail.com, bangcapnhanh247@gmail.com để làm giả giấy tờ theo yêu cầu, giấy tờ giả sau khi làm xong được chuyển cho Lương Kim T thông qua dịch vụ giao hàng Grabbike. Để tránh bị phát hiện, ngày 14/11/2018, D sử dụng giấy chứng minh nhân dân giả tên Trần Văn Ngọc đăng ký tài khoản số 0501000202401 tại Ngân hàng V chi nhánh Bắc Sài Gòn để thực hiện việc nhận, chuyển tiền mua bán giấy tờ giả, liên hệ Công ty giao hàng tiết kiệm. Thông qua mạng internet của Công ty giao hàng tiết kiệm, D tạo mã đơn hàng khách đặt làm giả giấy tờ sau đó, chuyển mã đơn hàng cho T để T đóng hộp giấy tờ giả rồi giao nhân viên giao hàng tiết kiệm để giao cho khách và thu hộ tiền. Tiền thu hộ được Công ty giao hàng tiết kiệm chuyển vào tài khoản tên Trần Văn Ngọc của D.

Bị cáo Lương Kim T bắt đầu giúp sức cho Nguyễn Cảnh D trong việc làm giả giấy tờ, tài liệu của cơ quan tổ chức từ tháng 10/2018, Lương Kim T giữ vai trò là người tiếp nhận giấy tờ giả, chụp hình các giấy tờ giả chuyển qua zalo cho D xem để D chuyển mã đơn hàng tương ứng với tên khách hàng cho T. Sau đó T tiến hành đóng gói giấy tờ giả bằng cách gấp hộp giấy carton, bỏ một (01) giấy tờ giả vào đáy hộp và dùng miếng lót các tông dán đè lên giấy tờ giả để cố định. Bên trên miếng lót đặt 03 tờ giấy hợp đồng bán sim trả góp cùng 01 sim card điện thoại di động, rồi đặt nắp hộp dán băng keo lại, ghi mã số vào mặt đáy của hộp, chuyển công ty Giao hàng nhanh tại số 353A N, Phường H, quận T để giao cho khách hàng.

Quá trình khám xét nơi ở của Nguyễn Cảnh D và Lương Kim T, Cơ quan

điều tra thu giữ số lượng lớn các giấy tờ, tài liệu các loại. Qua giám định xác định 373 giấy tờ được làm giả bằng phương pháp in phun màu.

Bản án sơ thẩm số: 133/2019/HS-ST ngày 22-10-2019 của Tòa án nhân dân Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh đã áp dụng điểm đ khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 để xử phạt bị cáo Nguyễn Cảnh D; áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 để xử phạt bị cáo Lương Kim T là đúng người, đúng tội, không oan sai. Tuy nhiên, các bị cáo chỉ có hành vi “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” và hành vi “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” chứ không có hành vi “Làm giả con dấu của cơ quan, tổ chức” và “Sử dụng con dấu giả của cơ quan, tổ chức” như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm áp dụng lại tội danh cho đúng với hành vi phạm tội của các bị cáo.

[4] Về nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Cảnh D, Lương Kim T, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy: Khi xét xử Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo. Tuy nhiên, mức hình phạt tổng hợp 05 (năm) năm 06 (tháng) tù đối với bị cáo D và mức hình phạt 03 (ba) năm tù đối với bị cáo T là có phần nặng. Bởi, việc cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết tăng nặng “phạm tội từ 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với các bị cáo là chưa phù hợp với qui định tại khoản 2 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, vì tình tiết này đã được quy định là tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự tại điểm b khoản 2 Điều 341 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Trong vụ án này, các bị cáo bị xét xử theo điểm a khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không áp dụng tình tiết tăng nặng “phạm tội từ 02 trở lên” đối với các bị cáo D và T.

Đối với hành vi sử dụng giấy chứng minh nhân dân giả tên Trần Văn Ngọc mở tài khoản tại Ngân hàng Vietcombank và lập hợp đồng với Công ty Giao hàng tiết kiệm để nhận, chuyển tiền và chuyển giao giấy tờ giả cho khách hàng của bị cáo D, mặc dù đã thỏa mãn tình tiết quy định tại điểm d khoản 2 Điều 341 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tuy nhiên, xét tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” và tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” có cùng khách thể là trật tự quản lý hành chính nhà nước và hậu quả của hành vi sử dụng tài liệu giả mà bị cáo D thực hiện đã được xem xét một phần khi quyết định hình phạt đối với tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Do đó, Hội đồng xét xử xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Đối với bị cáo Lương Kim T, chỉ tham gia việc tiếp nhận giấy tờ giả để đóng gói và giao lại cho Công ty giao hàng tiết kiệm. Bản thân bị cáo không tiếp xúc, liên lạc với các đối tượng làm giả giấy tờ, không tham gia trực tiếp việc in ấn giấy tờ giả, bị cáo chỉ là người làm công, thực hiện hành vi phạm tội theo sự hướng dẫn, chỉ đạo của bị cáo D. Xét, trong vụ án bị cáo chỉ giữ vai trò đồng phạm thứ yếu nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

Mặt khác, các bị cáo Nguyễn Cảnh D, Lương Kim T có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo Lương Kim T hiện đang là Sinh viên nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do các bị cáo D, T có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm căn cứ Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, quyết định mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” đối với bị cáo Nguyễn Cảnh D và tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” đối với bị cáo Lương Kim T.

[5] Đối với nội dung kháng cáo xin được hưởng án treo của các bị cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy: Bị cáo Nguyễn Cảnh D bị xét xử cùng một lần 02 tội, các bị cáo D, T thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần nên không đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại Điều 2, Điều 3 Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Lập luận trên đây cũng là căn cứ bác bỏ đề nghị của Luật sư cho rằng bị cáo T đủ điều kiện được hưởng án treo.

[6] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015,

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Cảnh D, Lương Kim T và sửa Bản án sơ thẩm.

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 341; điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38; Điều 50; Điều 58; khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Cảnh D 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” và 01 (một) năm tù về tội “Sử dụng tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung cho cả 02 tội danh là 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án nhưng được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/11/2018 đến ngày 17/5/2019.

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 2 Điều 54; Điều 38; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Lương Kim T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TC; (1)
- TAND cấp cao tại Tp. HCM (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- VKSND quận TânPhú; (2)
- P.PC 53 - CATP; (1)
- Trại tạm giam; (2)
- Bị cáo; (2)
- Người bào chữa; (1)
- THADS quận TânPhú; (1)
- TAND quận TânPhú; (2)
- Công an quận TânPhú; (1)
- Sở Tư pháp; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (1)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ; (23) (4)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thị Hương Giang